

Bản án số: 01/2023/LĐ-PT

Ngày: 20-6-2023

V/v Tranh chấp lao động “Yêu cầu hoàn trả chi phí đào tạo, tiền thưởng và bồi thường thiệt hại do vi phạm cam kết”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lương Quang.

Các Thẩm phán: ông Ngô Chụ và ông Lê Trúc Lâm.

- **Thư ký phiên tòa:** bà Nguyễn Ý Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên:** bà Trần Thị Thu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2023/DS-PT ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc *Tranh chấp lao động “Yêu cầu hoàn trả chi phí đào tạo, tiền thưởng và bồi thường thiệt hại do vi phạm cam kết”*.

Do bản án lao động sơ thẩm số: 01/2023/LĐ-ST ngày 10/3/2023 của Toà án nhân dân huyện P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 01/2023/QĐ-PT ngày 02/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐ-PT ngày 14/6/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn Công nghiệp K Việt Nam.

Địa chỉ: Đường 24/3, thị trấn C, huyện S, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Thê S, sinh năm 1983; Chức vụ: Trưởng phòng Hành chính (Theo văn bản ủy quyền ngày 01/3/2021 của Tổng giám đốc Công ty ký). Có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1987; Trú tại: Thôn P1, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1/Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1960; Trú ở: Thôn P1, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

2/Buru điện huyện S, tỉnh Phú Yên; Địa chỉ: Thị trấn C, huyện S, tỉnh Phú Yên. Do ông Lý Minh T, chức vụ: Giám đốc - làm đại diện. Vắng mặt.

3/Buru điện huyện P, tỉnh Phú Yên; Địa chỉ: Khu phố Đ1, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên. Do ông Trần Công K - Giám đốc - làm đại diện. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Công nghiệp K Việt Nam trình bày: Công ty trách nhiệm hữu hạn Công nghiệp K Việt Nam (sau đây gọi tắt là Công ty) là doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài có trụ sở tại Việt Nam. Ngày 14/3/2016, Công ty tuyển dụng và ký kết hợp đồng lao động với ông Nguyễn Thành T vào làm việc tại công ty, thời hạn 36 tháng. Ngày 26/3/2016, Công ty và ông T có ký bản cam kết sau đào tạo, để phục vụ cho dự án nhà máy điện sinh khối K S, đào tạo nội bộ đến khi nào cấp giấy chứng nhận Trưởng ca vận hành nhà máy điện của tập đoàn điện lực EVN cấp, ông T cam kết phục vụ lâu dài (tối thiểu 5 năm), nếu vi phạm thì phải chịu trách nhiệm bồi hoàn theo yêu cầu của công ty về toàn bộ chi phí đào tạo kể cả tiền lương, lương tăng thêm và các khoản phụ cấp khác trong quá trình đào tạo tập trung và không làm việc tại đơn vị, tuy nhiên bản cam kết không nêu rõ thời gian đào tạo. Công ty đã cử ông T tham gia 02 khóa đào tạo, sát hạch đặc biệt do Trung tâm điều độ Hệ thống điện quốc gia tổ chức, cụ thể:

- Lần đầu: Từ ngày 29/3/2016 đến ngày 31/3/2016 tại thành phố Q, tỉnh Bình Định; ông T thi trượt kỳ sát hạch này.

- Lần hai: Từ ngày 13/10/2016 đến ngày 14/10/2016 tại thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; ông T thi đạt và đến ngày 15/11/2016 được cấp chứng chỉ Trưởng ca vận hành nhà máy điện.

Ngoài ra, ông T còn tham gia quá trình đào tạo nội bộ tập trung tại Công ty K do Công ty tổ chức từ tháng 04/2016 đến tháng 03/2017.

Ngày 14/01/2017, ông T ký phụ lục hợp đồng lao động 2016 tiếp tục làm việc tại công ty; Ngày 31/12/2016, ông T ký Thông báo thưởng nội bộ và cam kết tiếp tục làm việc 01 năm tính từ ngày 01/01/2017, nếu vi phạm phải hoàn trả tiền thưởng.

Trong quá trình làm việc, vào ngày 11/7/2017 ông T nộp đơn xin thôi việc và tự ý nghỉ việc vì lý do chăm sóc vợ sinh và con nhỏ. Trong các ngày 11/7/2017, 26/7/2017 Công ty và ông T có buổi làm việc về giải quyết đơn xin nghỉ việc nhưng ông T xin thời gian suy nghĩ, đến ngày 08/8/2017 thì nghỉ việc luôn và không rút lại đơn xin nghỉ việc. Vào ngày 17/8/2017 và ngày 30/6/2020 Công ty đã gửi thông báo đề nghị ông T đến giải quyết việc hoàn trả chi phí đào tạo và các khoản khác do vi phạm cam kết nhưng ông T không đến nên Công ty có đơn đề nghị Phòng lao động Thương binh xã hội huyện S giải quyết nhưng không thành vì ông T vắng mặt. Do đó, Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T hoàn trả toàn bộ chi phí đào tạo và các khoản chi phí khác do vi phạm cam kết đã ký là 152.692.076 đồng và bồi thường thiệt hại do vi phạm cam kết là 177.231.076 đồng, cụ thể:

- Tiền lương từ tháng 3/2016 đến tháng 02/2017: 67.734.126đồng;
- Tiền bảo hiểm (BHXH, BHYT, BHTN) chi trả: 8.602.000đồng;

- Tiền ăn trong thời gian làm việc: 2.439.500đồng;
- Tiền nộp 2% phí Công đoàn: 782.000đồng;
- Tiền bảo hiểm tai nạn: 669.883đồng;
- Chi phí khám sức khỏe định kỳ: 356.000đồng;
- Tiền lương chi trả ông S đào tạo nội bộ: 13.250.000 đồng;
- Tiền chi phí tham gia học và thi tại TP Q: 1.452.879 đồng;
- Tiền chi phí tham gia học và thi tại TP N: 2.355.152 đồng;
- Chi phí đào tạo, sát hạch và cấp chứng nhận trưởng ca: 50.000.000đồng;
- Tiền đồng phục và giày bảo hộ năm 2017: 284.500đồng.
- Tiền thưởng đặc biệt năm 2016: 2.516.000đồng.
- Thiệt hại do sắp xếp người làm thay vị trí của ông T sau khi ông nghỉ việc: 177.231.100đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Công ty rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn ông Nguyễn Thành T bao gồm các khoản: Tiền bảo hiểm (BHXH, BHYT, BHTN) chi trả: 8.602.000đồng; Tiền ăn trong thời gian làm việc: 2.439.500đồng; Tiền nộp 2% phí Công đoàn: 782.000đồng; Tiền bảo hiểm tai nạn: 669.883đồng; Chi phí khám sức khỏe định kỳ: 356.000đồng; Tiền lương chi trả ông S đào tạo nội bộ: 13.250.000 đồng; Tiền đồng phục và giày bảo hộ năm 2017: 284.500đồng, tiền thưởng trong quá trình làm việc từ tháng 03/2016 đến tháng 02/2017 là 11.684.000 đồng và tiền bồi thường thiệt hại 177.231.100đồng. Công ty chỉ yêu cầu ông T phải hoàn trả chi phí đào tạo và các khoản chi phí khác do vi phạm cam kết bao gồm các khoản: Tiền lương từ tháng 3/2016 đến tháng 02/2017: 49.103.000 đồng; Tiền chi phí tham gia học và thi tại TP Q: 1.452.879 đồng; Tiền chi phí tham gia học và thi tại TP N: 2.355.152 đồng; Chi phí đào tạo, sát hạch và cấp chứng nhận trưởng ca: 50.000.000đồng; Tiền thưởng đặc biệt 2016: 2.516.000đồng. Tổng cộng 105.427.031 đồng.

Đối với việc ông T đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, Công ty không yêu cầu xem xét trách nhiệm và giải quyết bồi thường theo pháp luật về lao động.

Theo đơn phản tố ngày 26/5/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Thành T trình bày: Ông T thừa nhận bắt đầu làm việc tại Công ty từ tháng 3/2016 đến ngày 11/7/2017 thì làm đơn xin thôi việc vì lý do: Công ty trả lương quá thấp so với mặt bằng chung tại nơi khác; gia đình gặp khó khăn, con nhỏ và vợ mới sinh không có người chăm sóc; quá trình làm việc, Công ty đã tạo nhiều áp lực, căng thẳng, lo lắng, ức chế tinh thần ép buộc thi Trưởng ca vận hành trong khi chưa đủ điều kiện dự thi (chưa đủ thời gian đào tạo theo quy định là 18 tháng), sau khi thi đạt chứng chỉ Công ty giữ chứng chỉ và buộc làm công việc của trưởng ca; công việc trưởng ca nhà máy phát điện mang tính nguy hiểm cao trong khi bản thân chưa đủ kinh nghiệm, năng lực, có lúc chỉ bố trí một người trực là trái quy định, nếu có sự cố xảy ra thì không đủ người xử lý, nhà máy điện nằm cách biệt nếu đau bệnh không ai hay biết, có thời điểm phải làm việc 17 giờ mỗi ngày.

Bị đơn ông T thừa nhận có ký hợp đồng lao động ngày 10/3/2016 với Công ty; Bản cam kết đào tạo ngày 26/3/2016; Phụ lục hợp đồng lao động ngày

14/01/2017 và ký cam kết thưởng nội bộ ngày 31/12/2016. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông T không đồng ý trả tiền lương và thưởng đặc biệt năm 2016, ông T chỉ đồng ý trả tiền chi phí tham gia học và thi tại TP Q: 1.452.879 đồng; Tiền chi phí tham gia học và thi tại TP N: 2.355.152 đồng và chi phí đào tạo, sát hạch và cấp chứng nhận trưởng ca: 50.000.000đồng. Từ ngày 26/8/2017 ông T đến Công ty xin nghỉ việc nhưng Công ty không đồng ý và thông báo sẽ khởi kiện ra Tòa án nhưng đến nay mới khởi kiện và ông T không nhận được bất kỳ Thông báo nào của Công ty nên theo quy định tại Điều 202 Bộ luật lao động năm 2019 thì thời hiệu khởi kiện đã hết. Do đó, ông T đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với yêu cầu phản tố thì trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông T rút một phần yêu cầu phản tố về yêu cầu Công ty TNHH Công Nghiệp K Việt Nam phải chốt trả lại sổ bảo hiểm xã hội cho ông T và các khoản tiền thưởng, chỉ yêu cầu Công ty TNHH Công Nghiệp K Việt Nam hoàn trả lại tiền lương tháng 7/2017 là 4.004.000đ và 7,5 ngày lương trong tháng 08/2017 là 748.000đ, tổng cộng 4.752.000đ, ngoài ra ông T không yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành N trình bày: Trong vụ án giữa Công ty K và ông Nguyễn Thành T, có chứng cứ là phiếu báo phát EJ620532526VN với người ký nhận là Nguyễn Thành N nhưng ông N không nhận bất kỳ văn kiện nào của Công ty gửi cũng như chữ ký và bút tích trên phiếu báo phát không phải của ông N, tuy nhiên ông N không yêu cầu giám định chữ ký trên phiếu báo phát.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bưu điện huyện S do anh Lý Minh T- Giám đốc làm đại diện trình bày: Bưu điện huyện S chấp nhận bưu gửi EMS số hiệu EJ620532526VN có sử dụng dịch vụ báo phát của Công ty TNHH Công nghiệp K Việt Nam, huyện S, nội dung bên trong không rõ, sau đó đóng chuyển cho ông Nguyễn Thành T; Địa chỉ: thôn P1, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên, việc giao nhận theo giấy báo phát trả đúng quy trình nghiệp vụ của Bưu điện là báo phát đúng địa chỉ cho người nhận là Nguyễn Thành T; địa chỉ: thôn P1, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Đến ngày 10/7/2020 Bưu điện huyện S có giao trả phiếu báo số hiệu EX620917186VN cho Công ty TNHH Công nghiệp K Việt Nam, việc ông Nguyễn Thành N có ký nhận vào phiếu báo có quan hệ thân thích gì với ông Nguyễn Thành T thì Bưu điện huyện S không biết rõ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bưu điện huyện P, có ông Trần Công K - Giám đốc làm đại diện trình bày: Thống nhất như ý kiến của Bưu điện huyện S là có chấp nhận bưu gửi EMS số hiệu EJ620532526VN có sử dụng dịch vụ báo phát của Công ty TNHH Công nghiệp K Việt Nam, huyện S không rõ nội dung bên trong, sau đó đóng chuyển theo đúng địa chỉ cho ông Nguyễn Thành T; Địa chỉ: thôn P1, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên, theo đó ngày 02/7/2020 Bưu điện huyện P tiếp tục quy trình phát và gửi giấy báo phát theo nghiệp vụ của Bưu điện là báo phát đúng địa chỉ cho người nhận là Nguyễn Thành T; địa chỉ: thôn P1, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên và ngày 10/7/2020 Bưu điện huyện P giao trả phiếu báo số hiệu

EX620917186VN cho Buu điện huyện S để báo phát trả cho Công ty TNHH Công nghiệp K Việt Nam, việc ông Nguyễn Thành N có ký nhận vào phiếu báo là cha ruột ông T.

Tại bản án lao động sơ thẩm số: 01/2023/LĐ-ST ngày 10/3/2023 của Toà án nhân dân huyện P đã quyết định:

Áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 37; Điều 62 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 202 Bộ luật lao động năm 2019; Điều 117 Bộ luật dân sự. Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 và mục A danh mục án phí lệ phí Tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Nguyễn Thành T phải hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Công nghiệp K Việt Nam tổng số tiền 105.427.031 đồng (*Một trăm lẻ năm triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn không trăm ba mươi một đồng*) bao gồm các khoản chi phí đào tạo, tiền lương, tiền thưởng đặc biệt năm 2016.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn. Buộc nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Công nghiệp K Việt Nam phải hoàn trả cho ông Nguyễn Thành T số tiền 4.752.000đ (*Bốn triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng*) về khoản tiền lương tháng 7 và tháng 8/2017.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn về áp dụng thời hiệu đình chỉ giải quyết vụ án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với tổng số tiền 224.496.145 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/3/2023, bị đơn ông Nguyễn Thành T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.
- Bị đơn chỉ kháng cáo không đồng ý trả khoản tiền lương, tiền thưởng đặc biệt trong thời gian đào tạo nội bộ, vì không có việc đào tạo nội bộ.
- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Về nội dung: bản án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải hoàn trả số tiền 105.427.031đ là có căn cứ. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh kháng cáo của

mình là có cơ sở, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến các bên đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định là kháng cáo hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] *Về nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thành T.*

[2.1] Bản cam kết sau đào tạo được nguyên đơn, bị đơn tự nguyện ký kết, xác lập ngày 26/3/2016, không vi phạm điều cấm, đạo đức xã hội, có nội dung: “Cam kết phục vụ lâu dài (tối thiểu 05 năm) để đóng góp cho sự phát triển của Công ty bằng năng lực, kinh nghiệm và kiến thức đã được đào tạo...nếu không thực hiện đúng các nội dung cam kết trên, tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm và bồi hoàn theo yêu cầu của Công ty về toàn bộ chi phí của quá trình đào tạo kể cả tiền lương, lương tăng thêm, các khoản phụ cấp khác (nếu có) trong khoảng thời gian đi đào tạo tập trung và thời gian không làm việc tại đơn vị”. Nguyên đơn, bị đơn đều xác nhận ông T có tham gia 02 khóa đào tạo, sát hạch đặc biệt do Trung tâm điều độ Hệ thống điện quốc gia tổ chức, đợt 1 từ ngày 29/3/2016 đến 31/3/2016 tại TP Q, tỉnh Bình Định, đợt 2 từ ngày 13/10/2016 đến 14/10/2016 tại TP N, tỉnh Khánh Hòa. Ngoài ra còn tham gia khóa đào tạo nội bộ tập trung do Công ty tổ chức từ tháng 4/2016 đến tháng 3/2017. Ngày 14/01/2017 ông T ký phụ lục hợp đồng 2016 tiếp tục làm việc tại công ty, ngày 31/12/2016 ký Thông báo thưởng nội bộ và cam kết tiếp tục làm việc 01 năm tính từ ngày 01/01/2017, nếu vi phạm phải hoàn trả tiền thưởng. Ngày 11/7/2017 ông T nộp đơn xin thôi việc và tự ý nghỉ việc. Ông T không thực hiện đúng cam kết sau đào tạo ngày 26/3/2016 và Thông báo thưởng nội bộ là vi phạm cam kết.

[2.2] Về thời hiệu khởi kiện: Khoản 2 Điều 202 Bộ luật lao động năm 2012 quy định “2. Thời hiệu yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp lao động cá nhân là 01 năm, kể từ ngày phát hiện ra hành vi mà mỗi bên tranh chấp cho rằng quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm” và khoản 3 Điều 190 Bộ luật Lao động 2019 quy định “3. Thời hiệu yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp lao động cá nhân là 01 năm kể từ ngày phát hiện ra hành vi mà bên tranh chấp cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị vi phạm”.

Bị đơn ông Nguyễn Thành T có đơn xin nghỉ việc vào ngày 11/7/2017, đến ngày 26/7/2017 và ngày 08/8/2017 Công ty K và ông T gặp nhau giải quyết đơn xin nghỉ việc của ông T – Công ty đề nghị ông T tiếp tục làm việc, ông T không rút đơn xin nghỉ việc, đến ngày 11/8/2017 ông T chính thức nghỉ việc. Theo quy định nêu trên thì đến ngày 12/8/2018 là hết thời hiệu khởi kiện, nhưng đến ngày 28/12/2020 Công ty TNHH công nghiệp K Việt Nam mới có đơn khởi kiện là hết thời hiệu khởi kiện. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Thành T, ông T nghỉ việc từ ngày 11/8/2017 đến ngày 26/5/2021 mới yêu cầu Công ty K trả tiền lương tháng 7 và tháng 8/2017 thì cũng hết thời hiệu khởi kiện. Tuy

nhiên, quá trình giải quyết vụ án tại phiên phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm ông T chỉ đồng ý hoàn trả chi phí đào tạo là 53.008.301đ và tại văn bản trình bày ngày 29/9/2021 Công ty TNHH công nghiệp K Việt Nam thừa nhận Công ty đang giữ lương tháng 7 và tháng 8/2017 của ông T số tiền 4.752.000đ, Công ty sẽ hoàn trả khi có phán quyết của Tòa án. Đây là căn cứ làm phát sinh thời hiệu khởi kiện của Công ty TNHH công nghiệp K Việt Nam đối với ông Nguyễn Thành T về khoản tiền chi phí đào tạo số tiền 53.008.301đ và thời hiệu khởi kiện (phản tố) của bị đơn ông Nguyễn Thành T đối với K Việt Nam về khoản tiền lương tháng 7 và tháng 8/2017 số tiền 4.752.000đ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 Bộ luật dân sự 2015. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Thành T phải trả cho Công ty TNHH công nghiệp K Việt Nam chi phí đào tạo 53.008.301đ và buộc Công ty TNHH công nghiệp K Việt Nam trả cho ông Nguyễn Thành T tiền lương tháng 7 và tháng 8/2017 số tiền 4.752.000đ là có căn cứ. Riêng khoản tiền lương, tiền thưởng đặc biệt trong thời gian đào tạo nội bộ 52.418.730đ đã hết thời hiệu, cấp sơ thẩm buộc ông T phải trả cho Công ty TNHH công nghiệp K Việt Nam là không đúng pháp luật, cần phải hủy, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Công ty TNHH công nghiệp K Việt Nam về khoản tiền này.

Về đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm – Bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là không đúng quy định của pháp luật, nên không được chấp nhận.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn là 2.412.815đ ($48.256.301đ \times 5\% = 2.412.815đ$) và không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn, hủy đình chỉ xét xử một phần quyết định của bản án sơ thẩm đối với yêu cầu của Công ty TNHH công nghiệp K Việt Nam.

Áp dụng các Điều 37, Điều 62, Điều 202 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Hủy đình chỉ xét xử một phần quyết định của bản án sơ thẩm đối với yêu cầu của Công ty TNHH công nghiệp CKP Việt Nam về khoản tiền lương, tiền thưởng đặc biệt trong thời gian đào tạo nội bộ.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Thành T phải trả cho Công ty TNHH công nghiệp K Việt Nam số tiền chi phí đào tạo là 53.008.301đ.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn, buộc Công ty TNHH công nghiệp K Việt Nam phải trả cho ông Nguyễn Thành T tiền lương tháng 7 và tháng 8/2017 số tiền 4.752.000đ, bù trừ ông Nguyễn Thành T còn phải trả cho Công ty TNHH công nghiệp K Việt Nam số tiền 48.256.301đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Về án phí:

Bị đơn ông Nguyễn Thành T phải chịu 2.412.815 đồng án phí lao động sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đ đã nộp tại biên lai số 0009437 ngày 19/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, còn phải nộp 2.112.815đ.

Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Công nghiệp K Việt Nam số tiền 4.948.000 đồng (*Bốn triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003137 ngày 12/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Yên.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Phú Yên; (2)
- TAND H Phú Hòa; (2)
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- CCTHADS H Phú Hòa;
- P.KTNV-THA;
- Lưu: HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Quang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Chậu

Lê Trúc Lâm

Lương Quang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA